

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 8 năm 2019

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư**

2. Ông **Lâm Ngọc Hà**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Quốc Thanh**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: bà **Huỳnh Mộng Kiều**, Kiểm sát viên

Ngày 08/8/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXX-ST, ngày 12/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1989, địa chỉ: ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Trương Minh S**, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L và ông S quen biết nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Đắc Kiện, huyện Mỹ Tú (nay là huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng) ngày 29/10/2008. Trong quá trình chung sống, bà và ông S có 02 con chung tên Trương Hoàng Q, sinh ngày 06/4/2009 và Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 29/10/2011, hiện nay ông S đang nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S thiếu trung thực trong mọi công việc, sống ích kỷ, không quan tâm đến gia đình vợ, con, thường hay ghen tuông vô cớ, vu khống và hăm dọa làm cho bà hoang mang lo lắng, từ đó dẫn đến tình cảm giữa bà và ông S rạn nứt trầm trọng, không quan tâm lẫn nhau, sống không hạnh phúc. Nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Trương Minh S.

Về con chung: bà Nguyễn Thị L yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 29/10/2011 và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung; bà L đồng ý giao con chung tên Trương Hoàng Q, sinh ngày 06/4/2009 cho ông S nuôi dưỡng và bà L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trương Minh S trình bày:

Ông S thống nhất lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và con chung là hoàn toàn đúng sự thật. Về mâu thuẫn theo bà L trình bày là không đúng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L bị bệnh vong nhập, bị ông thầy Hoàng ở Tài Văn trị bệnh bày vẽ cho gia đình bất hòa, nên bà L yêu cầu ly hôn với ông. Nay bà L cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý, vì vợ chồng không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trương Hoàng Q, sinh ngày 06/4/2009 và Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 29/10/2011, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án liên quan đến con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự:

[1] Nguyên đơn yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn ông Trương Minh S, về con chung có 02 con chung tên Trương Hoàng Q, sinh ngày 06/4/2009 và Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 29/10/2011, nguyên đơn yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 29/10/2011 và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung; nguyên đơn đồng ý giao con chung tên Trương Hoàng Q, sinh ngày 06/4/2009 cho ông S nuôi dưỡng và nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L, ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cho nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông S là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Trương Minh S đã đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L và ông S.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông S có 02 con chung Trương Hoàng Q, sinh ngày 06/4/2009 và Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 29/10/2011

chưa thành niên hiện đang sống chung với ông S. Tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 29/10/2011 đến trưởng thành và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, bà L đồng ý giao con chung tên Trương Hoàng Q, sinh ngày 06/4/2009 cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành, bà L không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, trong thời gian bà L và ông S xảy ra mâu thuẫn, cháu Q và cháu T là con chung của ông bà, đã và đang sống chung với ông S ổn định, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên và theo nguyện vọng của cháu Q và cháu T là được sống chung với cha. Từ những phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T đến trưởng thành và bà L đồng ý giao con chung tên Trương Hoàng Q, sinh ngày 06/4/2009 cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành được chấp nhận một phần. Cho nên, cần giao cháu Q và cháu T cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Bà L không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng: Ông S không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi 02 con chung, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện tương đối đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với người tham gia tố tụng, thì các đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn L và bị đơn S. Giao 02 con chung tên Trương Hoàng Q, sinh ngày 06/4/2009 và Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 29/10/2011 cho ông Trương Minh S được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, về cấp dưỡng: ông S không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Minh S.

1.1. Về con chung: Giao 02 cháu Trương Hoàng Q, sinh ngày 06/4/2009 và Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 29/10/2011 cho ông S được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

1.2. Về cấp dưỡng: Ông Trương Minh S không yêu cầu bà Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi 02 con chung, nên không đặt ra xem xét.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thị L không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006749, ngày 15/02/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện Kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- **UBND xã Hồ Đắc Kiện;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhân